

Bản án số: 29/2026/HNGĐ – ST

Ngày 29 tháng 5 năm 2026.

“ V/v Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Duy Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhạn.

2. Ông Lê Đức Toàn;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2026/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2026 về: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2026/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2026; Giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Tráng Thị C, sinh ngày 12/5/1997;

Số căn cước công dân: 010303004....

Địa chỉ: Thôn L, xã D, tỉnh Lào Cai.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2.Bị đơn: Anh Hoàng Văn Th, sinh ngày 15/7/1996.

Số căn cước công dân: 010096008...

Địa chỉ: Thôn N, xã B, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hương Thủy - Trợ giúp viên, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai.

Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện nộp Tòa án ngày 11/3/2026 và trong quá trình Tòa án giải quyết, nguyên đơn chị Tráng Thị C trình bày:

Chị và anh Hoàng Văn Th kết hôn với nhau, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Lào Cai (nay là xã B, tỉnh Lào Cai) vào ngày 10/01/2022 theo đúng Quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn anh, chị chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trước khi kết hôn hai bên chưa tìm hiểu kỹ về nhau, nên sau khi đăng ký kết hôn và chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Anh Th thường xuyên tụ tập, đi chơi với bạn bè, không chịu khó làm ăn, chị đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh Th không thay đổi, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Thực tế từ năm 2023 anh, chị đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không khắc phục được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài. Vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Hoàng Văn Th.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng chưa có con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh Hoàng Văn Th không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 57 chấp nhận yêu cầu của chị Tráng Thị C được ly hôn với anh Hoàng Văn Th;

Về con chung: Chị Tráng Thị C và anh Hoàng Văn Th chưa có con chung.

Về tài sản chung: Anh, chị không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh, chị không có công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Tráng Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Đối với bị đơn anh Hoàng Văn Th, do thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú nên Tòa án không thể tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng. Tòa án đã thực hiện việc niêm yết theo quy định của pháp luật nhưng anh Thủy không đến làm việc và không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

Đối với vụ án này chị Tráng Thị C có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải, vì vậy vụ án này không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên toà:

Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Lào Cai có quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án dân sự tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, đảm bảo việc giải quyết vụ án dân sự kịp thời, đúng pháp luật, thu thập chứng cứ đúng theo Quy định pháp luật. Thư ký phiên toà và nguyên đơn thực hiện đúng Quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tráng Thị C được ly hôn anh Hoàng Văn Th.

Về con: Anh, chị chưa có con chung.

Về tài sản: Anh, chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Tráng Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Hoàng Văn Th có địa chỉ tại xã Bản Xèo, tỉnh Lào Cai. Như vậy Tòa án nhân dân Khu vực 7- Lào Cai thụ lý vụ án là phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025.

Chị Tráng Thị C có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Hoàng Văn Th vắng mặt lần hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Tráng Thị C và anh Hoàng Văn Th.

[2] Chị Tráng Thị C và anh Hoàng Văn Th kết hôn với nhau, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Lào Cai (nay là xã B, tỉnh Lào Cai) ngày 10/01/2022 trên cơ sở tự nguyện, như vậy hôn nhân này là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ và công nhận.

[3] Xét đối với yêu cầu của nguyên đơn:

Theo nguyên đơn trình bày thì anh, chị sống với nhau thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trước khi kết hôn hai bên chưa tìm hiểu kỹ về

nhau, nên sau khi đăng ký kết hôn và chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Anh Thủy thường xuyên tụ tập, đi chơi với bạn bè, không chịu khó làm ăn, chị đã khuyên anh Thủy nhưng vẫn không thay đổi, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Thực tế từ năm 2023 anh, chị đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị C và anh Thủy là có thật; lời trình bày của chị C phù hợp với nội dung xác nhận của chính quyền địa phương, bản thân anh Hoàng Văn Th đã biết được chị Tráng Thị C có đơn ly hôn nhưng không có ý kiến gì. Nay chị C ly hôn là có căn cứ, chấp nhận yêu cầu của chị C, áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử cho chị Tráng Thị C được ly hôn anh Hoàng Văn Th.

[4] Về con: Chị Tráng Thị C và anh Hoàng Văn Th chưa có con chung, vì vậy Tòa án không giải quyết.

[5] Về tài sản: Các đương sự xác định không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn chị Tráng Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 35 sửa đổi, bổ sung theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Xử cho chị Tráng Thị C được ly hôn anh Hoàng Văn Th. Quan hệ hôn nhân của chị Tráng Thị C và anh Hoàng Văn Th chấm dứt kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí: Chị Tráng Thị C phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000992 ngày 19/3/2026. Chị Tráng Thị C đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự, có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Lào Cai;
- VKSND Khu vực 7-Lào Cai (2);
- Đương sự (2);
- Người BVQ&LIHP;
- UBND xã Bản Xèo;
- THA DS khu vực 7- Lào Cai;
- Lưu TA,VP, HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hoàng Duy Chiến

